



xǐ shì
喜事

noun · happy event; joyous occasion

Example Sentence

Jīn tiān shì wǒ men jiā de xǐ shì dà jiā dōu fēi cháng kāi xīn
今天是我们家的喜事，大家都非常开心。

Today is a happy event for our family, and everyone is very happy.

Trace each character, then write the word on your own.

喜	喜	喜	喜	喜	喜	喜	喜	喜	喜	喜
喜	喜	喜	喜	喜	喜	喜	喜			

事	事	事	事	事	事	事	事	事	事	事
